

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/10/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Võ ThanhThùy.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. ÔngLê Quang Thơm

2. Bà Trần Hồng Vân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2022giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***Chị Siêm Thị Thùy T, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện M, tỉnh Bình Phước.

***2.Bị đơn:*** Anh Lý Thành N, sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

***Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Siêm Thị Thùy trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh N có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện M, tỉnh Bình Phước. Sau khi cưới, chị T và anh N về sống chung bên nhà cha mẹ chị T được khoảng 03 tháng thì về bên nhà anh N sinh sống, được khoảng vài tháng thì lại trở về nhà cha mẹ chị T.

Quá trình chung sống hạnh phúc, đến khi chị T sinh con được 07 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do con còn nhỏ chị T chưa đi làm được nên mọi chi phí gia đình chủ yếu do anh N lo, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2014, anh N về nhà cha mẹ ruột ở thành phố S sinh sống. Thời gian đầu anh N có đến thăm con, nhưng khi gặp nhau thì vợ chồng không có nói chuyện với nhau, sau đó anh N cũng ít tới lui thăm vợ con.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không thể hàn gắn trở lại chung sống được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: 01 con chung tên Lý Nguyên B, sinh ngày 11/9/2013, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn anh Lý Thành N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Siêm Thị Thùy T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lý Nguyên B, sinh ngày 11/9/2013 (Hiện đang sống chung với chị T), cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

**[1.2]** Bị đơn là anh Lý Thành N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

#### **[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:**

**[2.1]** Về hôn nhân: Chị Siêm Thị Thùy T và anh Lý Thành N chung sống từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện M, tỉnh Bình Phước nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau; vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau, từ năm 2014 anh N về nhà mẹ ruột ở thành phố S sinh sống cho đến nay từ đó vợ chồng cũng không liên lạc với nhau, vợ chồng không sống chung trong thời gian dài, anh N cũng ít tới lui thăm vợ con. Chị T xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân

với anh N không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn anh N.

Về phía anh N: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy chứng tỏ bản thân anh N cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Anh N đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị T và anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]** Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lý Nguyên B, sinh ngày 11/9/2013, hiện cháu B đang sống chung với chị T.

Xét thấy: Cháu B từ khi sinh ra cho đến nay đã sống chung với chị T có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu B trong sinh hoạt và học tập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu B cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu B cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Anh N được quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

**[2.3]** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4]** Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Siêm Thị Thùy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

**[4]** Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

**1.** Về hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Siêm Thị Thùy T.Cho chị Siêm Thị Thùy T ly hôn anh Lý Thành N.

**2.** Về nuôi con chung:

- Chị Siêm Thị Thùy T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lý Nguyên B, sinh ngày 11/9/2013. Hiện cháu B đang sống chung với chị T.

- Chị Siêm Thị Thùy T không yêu cầu anh Lý Thành N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên không xem xét, giải quyết.

- Anh Lý Thành N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Siêm Thị Thùy T nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 15/7/2022 theo biên lai thu số 0000886 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND TT Lộc Ninh, huyện M ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

*ĐÃ KÝ*

**Võ Thanh Thùy**